

## **Phẩm 11: BÍ MẬT MẠN-ĐỒ-LA**

Bấy giờ, Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn lại nhập vào Nhất Thiết Pháp Giới Như Lai Nhân Giới Quán, Pháp Giới Tạng Phấn Tấn Như Lai Bình Đẳng Nghiêm Tạng Tam-ma-địa Chứng. Pháp giới vô tận trang nghiêm hiện nên dùng hạnh môn chân ngôn ấy để độ không sót chúng sinh trong các thế giới thì Bốn nguyện mới đầy đủ. Từ trên đã nói phẩm Tự Luân xong.

Kế là nói phẩm Bí mật Mạn-đồ-la. Do bí mật nên hễ có nói gì đều là Như Lai gia trì thần lực, chẳng thể biểu thị, nên gọi là Thần Lực Gia Trì Tự Luân phẩm (tất cả phẩm khác đều giải thích như thế).

Đã nói Tự Luân phẩm xong, kế là muốn thành tựu Tự luân này nên lại nhập vào Tam-muội. Trong đây kinh nói là nói xuất định. Tất cả pháp giới tức là pháp giới vô tướng. Đã là pháp giới vô tướng thì dùng Phật nhãn mà quán pháp giới như thế. Lại giải thích theo Bí mật, như Tự luân trên tức là pháp giới của chư Phật, dùng Phật nhãn mà quán pháp giới này. Phải biết Phật nhãn quán này tức là năng lực gia trì của Như Lai. Nếu lia gia trì thì chẳng thể nói. Pháp giới tạng, tạng này tiếng Phạm là Câu-xá, là nghĩa cái túi dao (vỏ kiếm) cũng như dao của thế gian ở trong túi. Tạng này cũng như thế, nên dùng nghĩa đó. Trong đây nói pháp giới tạng tức là từ chỗ Như Lai ra, nghĩa là tất cả Như Lai ở trong đó. Phấn tấn là nghĩa tuôn ra, tuôn ra tràn trề. Như sư tử đầu đàn ở trong hang sâu bất động, có lúc ra ngoài mà dạo chơi khuấy động. Tức là thân ấy vốn bất động nay khiến lia chỗ thường mà động. Phật cũng như thế, ở yên như thế trong Thâm Mật Tạng. Nếu không phải thần lực gia trì của Như Lai thì vi diệu lặng dứt không thể hiện ra. Nay thị hiện ra vô tận thân, miệng, ý đủ các hình tiếng đầy khắp pháp giới tức là chư Phật phấn tấn. Thị hiện Như Lai Bình Đẳng Nghiêm Tạng, đây là Thai Tạng, cũng vào pháp môn này mười phương ba đời tất cả thân, miệng, ý Như Lai thấy đều bình đẳng, bình đẳng, Phật Phật đạo đồng nên gọi là Đẳng. Nghiêm nghĩa là trang nghiêm thân ấy, tức là dùng vô lượng môn Phật đạo mà trang nghiêm pháp thân, để độ chúng sinh. Tức dùng pháp giới bình đẳng mà trang nghiêm pháp thân, nên gọi là nghiêm. Cũng như trong chỗ quân binh ở thế gian có cây cờ lớn gọi là nghiêm. Tam-muội này cũng như thế. Do Tam-muội này mà biểu bày được sự bí mật của Như Lai nên lấy đó làm tên. Tạng ở đây, tiếng Phạm là Yết-ha, tức là chảy ra vô tận trang nghiêm, phấn tấn hiện bày chẳng thể cùng tận. Cũng như kho báu lớn. Tạng pháp giới bình đẳng này tức là nghĩa tạng

Như Lai, vì pháp giới trang nghiêm chẳng thể cùng tận. Cũng như Tự luân xoay mãi chẳng thể cùng tận nên gọi là Vô tận tạng. Vì sao Như Lai đối với Tam-muội này, đều cho là nhân duyên? Cái gọi là sự mở bày chỗ bí yếu sâu xa của Như Lai. Cho nên khế kinh nói: Dùng môn chân ngôn ấn mà độ không sót chúng sinh trong thế giới, đầy đủ bản nguyện. Khi xưa Phật hành đạo Bồ-tát có lập đại thế nguyện đều khiến tất cả chúng sinh đồng vào Tạng Như Lai pháp giới. Nay thế nguyện đã trọn vẹn, do đại bi nên hằng hái thị hiện độ chúng sinh, như pháp giới nghiêm tạng chẳng thể cùng tận, Chúng sinh trong thế giới chẳng thể cùng tận cũng như thế. Nay muốn đem khắp hạnh môn chân ngôn bình đẳng lợi ích đều khiến mở bày tri kiến thanh tịnh rốt ráo không sót, tức là sở nguyện được đầy đủ nên gọi là mãn Bốn nguyện.

Lại nữa, thực hành pháp chưa được thành tựu, cũng vì chưa thành tựu nên tu hạnh chân ngôn chẳng được mau thành đạo Vô thượng. Nay lại quyết trạch đều khiến được hiển hiện là nhập vào định này. Kế là ở trong định, nghĩa là Phật trụ ở Tam-muội mà hiện việc ít có để lợi ích khắp chúng sinh. Đây ở trong định làm sao hiện ít có, nghĩa là không sót chúng sinh trong thế giới, Thanh môn... như ý nghiệp sinh thành tựu, chịu các quả báo về âm hình sắc, tùy tâm nghĩ nói các pháp, khiến tất cả chúng sinh vui mừng. Tất cả lỗ chân lông ở pháp giới tạng thân đều xuất ra. Âm thanh Phạm này cũng là gầm thét. Cũng như rồng xuất hiện tiếng sấm. Tiếng sấm gầm thét tất cả đều nghe không đâu chẳng khắp. Như Lai gầm thét cũng thế, khắp giới vô dư hữu tình. Giới này vô lượng tiếng cũng nghe khắp, chẳng phải như rồng ở đời có hạn lượng, chúng sinh thượng trung hạ phẩm tùy theo nghiệp mà chịu quả báo, cho nên nói chúng sinh thành tựu. Cũng như người đời nhai mà chưa nuốt, thì cũng chưa gọi là nhận. Nếu nhận lãnh ăn rồi, mới gọi là nhận ăn. Nay dị thực chịu quả báo cũng như thế, tiếng gọi nhân trước mà thọ báo ấy hình sắc khác nhau, tiếng nói muôn thứ khác nhau, ý lạc tin hiểu cũng đều khác. Phật dùng một thứ tiếng bình đẳng, ứng khắp các tâm chí, tùy tiếng nói mà mở bày cho họ các phương tiện suy nghĩ, hiểu biết mà dạy dỗ khiến vui mừng, tức là điềm lành chưa từng có trong Tam-muội. Trong đây nói các thứ, như nghĩa tiếng trong luận, phải nhờ các âm hòa hợp cùng nói lên một nghĩa. Nếu nghĩa chưa tròn thì phải thêm một chữ cho tròn. Nếu bốn âm cùng nói lên một nghĩa, nay dùng ba âm nghĩa ấy cũng khắp, thì trừ đi một chữ. Như thế mà tùy lời thêm bớt. Nay ở đây cũng như thế, chỉ dùng một tự môn A mà đủ tất cả nghĩa, đối với việc đều trọn vẹn nên gọi là nói, chẳng đồng với nói của nói pháp. Tiếng

Phạm có khác, lại hỏi: pháp giới tăng thân xuất ra, là bình đẳng pháp giới rớt ráo vắng lặng không có tướng ra vào. Vì thần lực gia trì của Như Lai mà sinh ra sắc thân vô tận, nghĩa là từ trong mỗi lỗ chân lông của Phật mà hiện tiếng gầm thét như trước. Lại sinh ra các hình sắc gọi là pháp giới tạng thân. Tướng ấy duyên mà khởi tánh vô sinh. Như thật tướng ấy tức đồng thể pháp giới, làm sao có tăng thêm sinh diệt ư? Tuy pháp duyên khởi thể thường như thường, nhưng vì năng lực gia trì của Như Lai nên từ mỗi lỗ chân lông đều hiện tiếng gầm thét, hoặc dùng lời mềm mại, hoặc thô bỉ, hoặc sâu xa, hay cạn cợt đối với tâm cơ ấy. Như sóng biển lớn không quá hạn thường, thân ấy cũng thế, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc giận dữ hoặc thực hành sáu độ, hoặc làm oai phục muôn thứ khác nhau mà độ hữu tình không hề lằm lẩn. Trước nêu Tự luân nay từ pháp giới luân mà hiện hình tiếng, xuất ra từ hư không đều cùng trong thế giới, một âm thanh pháp giới nói lên Như Lai sinh kệ thuyết, là như hư không chẳng có bến bờ. Tiếng này cũng thế, đồng với hư không. Biểu là biểu thị, tức là ngữ nghiệp biểu thị của Như Lai, nghĩa là biển hiện tất cả chúng sinh đều khiến xứng ngộ pháp giới bình đẳng, dùng diệu âm mà biểu thị pháp giới, nói pháp giới tức là tâm.

Một âm tức là tuôn chữ A luân chuyển vô cùng bằng hư không đầy khắp pháp giới. Chữ Phật ba đời đều từ diệu kệ như thế mà sinh ra. Nay Phật từ môn nhất âm này mà nói diệu kệ, không để sót pháp giới, bình đẳng nghe biết tùy loài được hiểu, cho nên lấy làm tên. Như trên đã nói Tự luân, muốn biểu hiện công đức Như Lai cho nên Phật ở mỗi mỗi lỗ chân lông phát ra diệu âm thanh khắp cõi này, nói nghĩa sâu xa của nghĩa Tự luân ấy, nên gọi là kệ sinh ra chữ Phật. Nếu có chúng sinh hiểu biết nghĩa tự luân như thế liền thành Bồ-đề, nên nói tất cả chữ Phật từ đó sinh ra. Nhưng pháp thân chữ Phật là sinh diệt. Nếu Như Lai có sinh tức là có chấp tướng, hễ có chấp tướng thì sinh tử còn chẳng thể là hướng chi thành Đại Bồ-đề. Nay nói sinh là chân thật là tướng sinh, vì pháp thân thanh tịnh là tất cả tướng. Nhưng vì Phật dùng năng lực gia trì nên dùng Tự luân này để mở bày đức nội chứng bí mật của Như Lai. Phật gia trì thần lực tự tại, do đây mà có tướng phương tiện sinh ra tướng cúng dường. Cũng như khi nó chưa hiểu biết, như tự luân này mà dùng làm phương tiện. Dần dần sẽ hiểu rõ quán sát tự môn A. Vì tự môn A này tức là pháp thân rớt ráo tự tại. Kệ rằng: Sinh tùy loại hình pháp, các pháp tướng nghĩa là vào tự môn A này, tức là pháp thân bình đẳng. Do pháp thân vô tướng này, tức là tùy theo duyên cảm ứng hiện khắp sắc thân, tùy các thứ hình loại ấy, dùng thân ưa thấy mà chỉ bày cho trí tuệ

Như Lai.

Kệ rằng: Chư Phật Thanh văn và các Duyên giác, cứu thế Bồ-tát tiến mạnh như Phật. Cũng như thế, là do thân tướng Vô tướng này, tất cả chư Phật đều từ đó sinh. Không phải chỉ chư Phật từ đây sinh, mà tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát các thứ hạnh vị cho đến vị Nhất sinh bổ xứ đều do lý chữ A này mà sinh. Không phải chỉ sinh ra tất cả Thánh hiền, cho đến tất cả hữu tình thế gian và khí thế gian, các thứ khác nhau thứ lớp thêm lớn cũng đều từ nghĩa chữ A này sinh ra. Cho nên sinh ở đây lược có ba thứ: Thượng phẩm sinh, nghĩa là sinh ra quả thể thường trụ pháp thân chân tịnh của Như Lai, kế là sinh chư Phật, Bồ-tát, Nhị thừa, tùy ở địa vị nào mà dứt chướng ấy. Hạ phẩm sinh tức là hữu tình và khí thế gian, cũng đều do pháp môn này mà được sinh trụ... các pháp sinh thường. Nhưng chỗ nói trong đây khác với chấp Đoạn thường của ngoại đạo. Các pháp tuy từ nhân sinh, mà Nhân sinh thì vô tướng, tuy từ duyên sinh mà duyên này vô tướng tuy từ duyên khởi mà pháp vốn bất sinh, tuy từ duyên sinh diệt mà không có tướng sinh trụ thế nên là thường. Không phải đồng với chấp (kiến) của ngoại đạo cho nên nói sinh diệt thường.

Kệ rằng: Có trí phương tiện lìa cả nghi bất tuệ. Là thấu suốt luận chữ A, các pháp đều rốt ráo không thật có, thể vắng lặng vô tướng, từ xưa chẳng sinh ấy là tuệ. Chân ngôn thân ấn Du-già... khiến cho thực hành lợi ích lớn mà vào Phật tuệ là phương tiện. Nếu y theo phương tiện mà không tuệ, chỉ có tuệ mà không phương tiện, thì chẳng thể nào thành dụng tự nhiên không thể nghĩ bàn, phải nhờ phương tiện và trí tuệ đầy đủ. Phương tiện được vào Bí tạng tự luân. Lìa nghi chẳng tuệ, nếu lìa hai pháp ấy thì phải biết người ấy là người chẳng có trí tuệ. Vì chẳng có tuệ nên ở mọi chỗ sinh nghi chẳng thể tiến lên. Lại người ngu nếu trí tuệ phương tiện gồm đủ thì tự nhiên lìa vô tuệ chẳng sinh tà nghi.

Kệ rằng: Quán đạo này chư Phật đã nói, là không phải chỉ ta nói như thế. Vì tất cả Đẳng Chánh Giác đều nói như thế không khác nhau. Do Phật mười phương ba đời đồng được đạo này không khác nhau, một tướng một vị không nói khác. Bấy giờ, pháp giới sinh thân Như Lai. Tất cả pháp giới tự thân biểu bị hóa vô trùm khắp tâm tự tại Tỳ-lô-giá-na. Trong các lỗ chân lông Phật và chúng sinh xoay vần. Trong đây, thân pháp giới tức là pháp thân Tỳ-lô-giá-na, vì từ pháp giới chân thật sinh ra nên gọi là pháp giới sinh. Tất cả pháp giới tự thân biểu, biểu là khiến cho tất cả đều thấy. Nghĩa là ở trong tất cả mây pháp giới tự thân biểu hóa đều trùm khắp. Nghĩa là thân Như Lai hiện khắp sắc thân. Như

mây lớn kia trùm khắp pháp giới. Mây là nghĩa trùm khắp, nói hóa thân này như mây trùm khắp pháp giới, trùm khắp các thế giới mười phương chẳng thể hạn lượng. Tâm tự tại trong đây là dịch nghĩa. Nghĩa đúng là Tâm Tài, nghĩa là khi vừa khởi niệm thì chẳng dùng công lực, tức cứ như thế mà rộng lớn cùng khắp, đây là ở tâm mà được tự tại. Trong các lỗ chân lông Phật sinh xoay vần mà gia trì, là cũng như Như Lai vừa vào Tam-muội, tức thì hiện nhanh sự hy hữu như thế, tức là thần lực gia trì của Như Lai. Xoay vần là thiệp nhập lẫn nhau. Từ lỗ chân lông thân Phật, tuôn ra bốn thân Như Lai xoay vần nhập vào. Tất cả các thân đều hiện thần lực như trên, hóa rồi lại hóa không cùng tận. Các nghĩa này lại phải nói rõ, gia trì nghĩa là dùng thần lực tự tại của Phật mà gia trì, đây tức là như trên nói về sự gia trì của pháp giới tánh tự luân. Từ trong các lỗ chân lông của thân Phật mà phát ra các thứ mây, tùy thượng trung hạ phần, nghĩa là đầu là nội thai, từ tim trở lên là viên thứ nhất, từ rún trở lên là viên thứ hai, từ rún trở xuống là viên thứ ba, tức là phối với bốn vị của viên đàn ở trước, tùy theo trái phải, trước sau, thượng trung hạ phần mà hiển bày hiện thân Bốn Tôn, đều y theo bốn vị mà ra. Ở trong thế giới mà làm Phật sự. Từ mỗi thân xoay vần mà ra làm các Phật sự nên nói là xoay vần.

Lúc đó, Chấp Kim Cang cũng biết ý Phật, nay Phật Thế Tôn hiện các việc hy hữu, chưa từng có đều là nhân duyên, lại phải nói pháp sâu kín. Nghĩa là như chỗ nói trên có sự chưa hiểu sẽ nói. Thật tâm kính mong mà trụ. Cho nên Phật lại nói: Bí Mật Chủ có làm Mạn-đồ-la, tạo tôn vị phần, cùng hạt giống làm tiêu ký. Lắng nghe, lành thay! Hãy rất chú ý nghĩ nhớ, ta sẽ nói cho nghe. Lúc đó, Phật vì Chấp Kim Cang mà hiện các phần vị như trên. Lúc đó, các Tôn vị đã làm các thứ Phật sự. Lại từ bốn vị mà nhập vào thân Tỳ-lô-giá-na Như Lai. Cũng như khi ra vị thứ không khác.

Kinh ấy nói: Lại vào cung pháp giới. Tôn phần vị hạt giống, các tôn vị như trên đều là đức nội chứng của Như Lai, đều từ mỗi vị mà biểu thị chỗ Như Lai hiện bày cõi pháp giới sâu xa. Nay nếu có A-xà-lê muốn làm hoại, là trước trụ ở Du-già này như từ thân Phật kia mỗi vị thứ, như hình sắc ấy quán rồi. Ở trên tâm ấy làm vầng ánh sáng tròn, ở trong vầng tròn sáng mà quán hạt giống ấy. Như thế mỗi thứ an bày mới đúng pháp làm. Nếu không như thế thì chẳng thể nào gia trì kiến lập các đệ tử, cũng chẳng được gọi tên là A-xà-lê. Như trên đã nói hạt giống phiền não cắt đứt rồi. Kế sinh hạt giống pháp giới tánh, tức là tất cả hạt giống hữu tình bình đẳng. Tánh hạt giống của pháp giới bình

đẳng này tức là chỗ sinh trưởng tất cả Trí Địa Như Lai. Như các thứ cây cỏ ở thế gian tùy tánh phần đều khác nhau, đều y vào đất đai mà được lớn lên, thân rễ nhánh lá đều khác nhau, thêm nhiều lớn nhỏ tánh đều khác, nhưng cũng đều là tánh đất đai và đất năng sinh tuy rất ráo đều trở về đất, nhưng chỉ do nhân duyên hòa hợp mà có lớn lên, nhưng thật ra không có tự tánh không sinh không khởi. Nếu chúng sinh đã được an lập như hạt giống ấy tức là đồng vị với Như Lai. Do hạt giống này từ tánh pháp giới sinh ra mà năng sinh ra pháp giới nên gọi là pháp giới sinh hạt giống. Pháp giới sinh tức là tự tánh thân của Như Lai. Cờ nêu là như hạt giống ở thế gian đều khác nhau. Như cây cỏ non, người có trí nhìn thấy tuy chưa lớn nhưng đã biết tánh nó sẽ lớn hay nhỏ. Nếu thấy hạnh chúng sinh như thế thì nhân vị hạt giống cũng đều như thế. Nhưng nay hạt giống chính là hạt giống pháp giới tánh, phải biết tánh nó chắc chắn năng sinh ra thân Như Lai bình đẳng pháp trí, cho nên gọi là cờ nêu. Lại Mạn-đồ-la này mỗi phần vị đều có hạt giống, dùng cờ nêu muốn pháp giới khác nhau ấy phải biết mỗi thứ nhập vào chữ A mà thấy nêu nội chứng tức là biết đức nội chứng của Như Lai nên gọi là Tiêu Ký, tùy bốn lớp phân vị đó, từ vị mà ra, tức là cờ nêu của Phật, hoặc từ phần vị Bồ-tát mà ra, hoặc từ phần vị Nhị thừa mà ra, hoặc từ phần vị trời rồng tám bộ mà ra, phải biết thêm bậc, mỗi thêm bậc khác nhau đều biết rõ. Hạt giống của chữ chẳng giống như vậy.

Khi Phật bảo Bí Mật Chủ xong thì Kim Cang Thủ bạch Phật rằng: con xin được nghe, muốn vì lợi ích khắp tất cả chúng sinh và truyền bá khắp nơi, khắp vì tất cả chúng sinh đời vị lai, cũng vì lợi ích cho chúng trong đại hội nên thỉnh Phật giảng nói. Từ trước tuy nói pháp Mạn-đồ-la, còn chưa nói Bí Yếu tạng của sắc và hạt giống, cho nên một lòng muốn nghe mong Phật giảng nói. Kế Phật bảo ý, hễ khi A-xà-lê muốn kiến lập Đại Bi Thai Tạng, kiến lập đệ tử thì trước phải trụ Du-già mà quán tự thân. Từ rún trở xuống phải thực hành Kim Cang luân, sắc vàng mà cứng chắc. Kế từ rún lên đến tim phải thực hành Thủy luân màu trắng. Kế từ tim đến cổ họng phải thực hành luân màu đỏ. Kế từ cổ họng đến đỉnh đầu phải thực hành gió luân màu đen.

Lại kế là Địa luân chánh hình vuông, thủy luân hình tròn, hỏa luân hình tam giác, gió luân hình bán nguyệt. Cao nhất trên hư không làm một chấm. Các thứ màu sắc, vẽ trên đầu một chữ Thập:

(VẼ HÌNH)

Chính là tương xứng với thân phần. Năm vị này tức là năm chữ nói ở trước. Trong hình vuông đặt chữ A, trong hình tròn để chữ Phược,

trong hình Tam giác để chữ La, trong hình bán nguyệt để chữ Hồng (Hàm), trong chấm để chữ Khuyết, phải xem xét trước trong quyển. Thầy đã tự xem thân ấy thứ lớp như thế, phương sắc gia trì tự thân đều quán đặt hạt giống, hạt giống tự xong rồi kế quán Đàn địa, tức lật ngược lại. Ở trên thực hành Kim Cang luân. Dưới Kim Cang luân thực hành Thủy luân, dưới Thủy luân thực hành Hỏa luân, dưới Hỏa luân thực hành Gió luân, dưới Gió luân tức là Hư không luân. Vì sao? Vì tất cả thế giới đều nương vào năm luân. Khi thế giới thành thì trước từ hư không mà khởi gió, trên gió khởi lửa, trên lửa khởi nước, trên nước khởi đất tức là thứ lớp an vị Mạn-đồ-la. Khi hoại thì Địa luận hoại trước cho đến chỉ còn hư không. Tức là thầy tư gia trì thứ lớp. Nay người tu đạo cũng cùng loại tướng này. Đầu tiên phát tín tâm, kế là tâm Bồ-đề, kế nữa cho đến Đại không, A-xà-lê ấy đã gia trì như thế rồi phải an trí các tôn vị theo như thứ lớp. Mỗi vị dùng Du-già mà quán, đúng như phương sắc hình tướng, trên tâm thì đặt vầng ánh sáng tròn, trong vầng ánh sáng tròn có chữ hạt giống, mỗi chữ khiến cho sáng tỏ không chướng ngại.

Làm được như thế tức là pháp giới Thai Tạng Mạn-đồ-la phần vị, là khiến tất cả Như Lai cùng gia trì, tất cả Tôn vị đều nhóm họp, cùng gia trì người tu kiến lập đệ tử, rất ráo không lui sụt Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu không thế thì uổng phí công sức mà vô ích. Lại tòa Du-già này Huỳnh Kim Phương luân tức là tòa Kim Cang, vương là dứt tai ương, tròn là tăng ích, Tam giác là hàng phục, bán nguyệt là nhiếp triệu, chấm là thành xong tất cả việc. Hư không luân này chỉ dùng tâm niệm mà làm, chẳng dùng hình tướng. Khi thế giới hoại thì trước cũng từ gió luân mà hoại, đất mà sinh lửa, lửa rồi kế gió. Lại hỏi: Như thế mà thực hành năm luân, phải biết trên dưới đều có hư không luân. Vì từ không luân mà sinh gió, lửa, đất, nước. Lại từ Địa luân dẫn lên cho đến hư không, cho nên trên dưới đều có hư không. Khi làm Mạn-đồ-la thì thầy phải tự quán thân và đất. Lại quán đệ tử đã độ, cũng phải như thế mà an lập y theo sự pháp. Nếu chẳng như thế thì chẳng gọi là đúng Như pháp.

Khi ấy, Kim Cang Thủ Tỳ-lô-giá-na Như Lai Thân Ngữ Ý Địa Thăng Pháp Giới Bình Đẳng quán giả cũng Bồ-tát này có thể biết. Thân, miệng, ý Như Lai bí mật nên gọi là Bí Mật Chủ. Pháp mật ý của Như Lai chỉ có Phật và Phật mới biết rõ. Như ý, là phải biết thân, miệng ấy cũng như thế. Nay Bồ-tát này cũng hay biết, phải biết là vị đồng Đại giác (Phật), vì muốn độ chúng sinh mà thị hiện làm Bồ-tát để khởi phát cho nhau. Thân mật trong đây tức là các ấn. Như bốn lớp Đại Mạn-đồ-la mỗi vị Bốn tôn đều có Mật ấn. Nếu quán ấn thân này tức là biết Tôn vị

ấy chỗ biểu hiện đức bí mật, tùy loại thượng trung hạ khác nhau mà có vô lượng thứ. Ngũ mật tức là Chân ngôn của các tôn vị ấy. Ý mật tức là quán Du-già của Bốn Tôn. Cũng tùy bốn lớp phương vị đều khác nhau, tương ứng với đây liền vào Tạng Ý Bí Mật của Như Lai. Thân ngữ ý mật trong đây trên từ vị Phật, Bồ-tát và Nhị thừa các vị trời tám bộ vô lượng khác nhau, nói rộng ra, cho đến thế giới trần số đều khác nhau. Lược mà nói như trong kinh này biểu thị giai vị, nghĩa là đều nói lên đức thân, miệng, ý bí mật của Như Lai. Nếu biết rõ được như thật tức là đồng với Bí Mật Chủ. Nay Bồ-tát Bí Mật Chủ trụ trong pháp giới bình đẳng quán vì nghĩ nhớ chúng sinh vị lai nên khiến khắp tất cả xe rách lưới đại nghi, cho nên liền ở trước Phật mà nói Đại chân ngôn vương như văn rất dễ hiểu.

Chân ngôn là: Nam-mô Tam-mạn-đa Phật-đà nãm (quy mạng khắp chư Phật) A-ta-ma-bổ-đa (vô tận) Đạt-ma-đà-đô (pháp giới) Yết-đế-yết-đa (vượt vô tận pháp giới). Tát-phước-tha (lợi ích tất cả).

Ám-khiêm-ám-ác: Bốn chữ này tức là bốn luân. Chữ thứ nhất là địa, thuộc Kim cang luân, chữ thứ hai là Thủy luân, chữ thứ ba là Hỏa luân, chữ thứ tư là Gió luân. Chữ Ám này bốn thể là Kim cang giới thể, gồm có thanh dài là hành, hành tức là Hỏa luân. Trên có dấu chấm tức là Không luân, vì là Trang nghiêm. Kế chữ Khiêm thủy luân, khư nghĩa là không cũng có thanh dài là hạnh, có dấu chấm là không tức là đại không. Kế chữ Ám là hỏa, tiếng Phạm là A-yết-nãm, nghĩa là hỏa. Ác là tánh Niết-bàn, đen tức là gió. Lại kế là hư không vô sắc mà thấu nhận tất cả sắc tượng. Nay chữ Khư này có hạnh, có chấm tức là tất cả sắc tượng, đại không cũng như hư không có đủ tất cả sắc tượng. Không này thành xong tất cả việc. Cho nên chữ Khiêm được làm Thủy dụng. Tham sách (địa) Hàm (Hồng) Hạc (gió) Lam cách (hỏa) phước (thủy). Như trên chữ A có bốn chữ. Nghĩa là thanh dài trên có dấu chấm và hai dấu chấm ở bên (chấm ở hai bên). Thanh ngắn cũng có dấu chấm trên và hai dấu chấm ở bên. Hai chữ là bốn.

Nay chữ ta này phải biết cũng như thế, đều có bốn chữ, nay chỉ nêu thanh ngắn hợp thành thanh dài hai chữ, ở trước thanh ngắn y theo trên mà nói. Tham Sách Hàm Hạc. Lại chung mà nói thì chữ A là Phật bộ, chữ A là Liên Hoa bộ, chữ Phước là Kim Cang bộ, gió hỏa trùm khắp dụng ba bộ. Như trong bộ Liên Hoa tự có địa, thủy, hỏa, gió. Nếu đứt tai ương tức cần Kim Cang Phương luân, nếu tăng ích thì cần Thủy luân, hàng phục thì cần Thủy (Gió) luân... Tùy loại mà dùng. Phải biết năm môn A, Ta, Ha, La, Phước thì đồng với năm Tự luân. Bất cứ trong



một luân nào đều có bốn luân. Như Kim Cang bộ chữ Phước tự có bốn luân, hễ thực hành tức tai, tăng ích, hàng phục, đều tùy loại mà dùng. Nếu đọc các chân ngôn khác thì bộ loại ấy có các chữ này tức là biết chỗ ứng dụng của nó, đều có chỗ ứng cao nhất là tông hạt. Một đoạn này chưa rõ nên lại hỏi.

Lại có ba đạo Chân ngôn là thân chân ngôn, ngữ chân ngôn và ý chân ngôn, ba đạo chân ngôn này tức nhiếp thân, ngữ, ý bình đẳng pháp môn của Như Lai. Nhưng ba chân ngôn này nếu dính chữ Ta Ha cũng được, nếu chẳng dính cũng được. Người tu khi đắc ý tự xem phương tiện. Lại chân ngôn này do cao hơn hết nên gọi là Vương như ở trên nói. Tuy đều có bốn chữ, nhưng bao gồm trong đây chỉ gọi là Chân ngôn vương mười hai chữ, bốn thứ luân trong đây đều tùy theo Địa, Thủy, Hỏa, Gió luân ấy mà gia trì thân A-xà-thế, liền được dụng tự tại, thân, miệng, ý ấy chân ngôn cũng hợp, gia trì thân, miệng, ý nghiệp của mình, việc này chưa rõ ràng.

Khi Kim Cang Thủ nói Đại Chân Ngôn Vương ấy rồi, thì tất cả Như Lai trụ vào các thế giới ở mười phương, duỗi tay phải xoa đầu Chấp Kim Cang Bồ-tát mà khen rằng:

- Lành thay! Lành thay! Đây đây người Thiện nam! Phật tử các ông đã vượt qua Tỳ-lô-giá-na thân ngữ ý địa khắp trụ vào tất cả Chân ngôn đạo bình đẳng, vì muốn làm các Bồ-tát Minh nên nói Chân ngôn vương này. Nay trong đây xoa đầu chẳng phải là Phật mười phương đưa tay đến cõi này xoa đầu. Nhưng Bí Mật Chủ khi ở trước Phật mà nói Chân ngôn vương này. Tức dùng Chân ngôn vương này ở khắp mười phương tất cả thế giới mỗi mỗi đều ở trước Như Lai mà dùng tiếng bình đẳng cùng khắp một lúc nói ra. Cho nên tất cả Như Lai đều đưa tay xoa đầu. Vượt là nghĩa vượt lên nhập vào. Như Tỳ-lô-giá-na ở cõi trời A-cani-tra ngồi ở đạo tràng mà nói Chân ngôn vương này, được thân, miệng, ý rất ráo dụng tự tại bình đẳng. Nay các ông cũng được siêu nhập vào địa thân, miệng, ý bình đẳng pháp như thế, bằng với Tỳ-lô-giá-na, tức là tất cả Như Lai khen đức chân thật: Nói các ông đã được Địa vị bình đẳng như thế, vì muốn phổ môn lợi ích tất cả chúng sinh, vì muốn chiếu minh tu chân ngôn hạnh Bồ-tát dứt trừ các tối tăm, cho nên nói Chân ngôn vương này. Chân ngôn vương này xé rách tất cả lưới nghi pháp giới. Nghi tức là tối, dứt trừ tất cả nghi ngờ tức là soi sáng. Vì sao? Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na này ứng hiện Chánh Đẳng Giác ngồi tòa Bồ-đề quán mười hai chữ Chân ngôn mà hàng phục bốn ma. Pháp giới này hiện sinh ba chỗ tuôn ra hàng phục ma. Tức Đại Nhật Như Lai khi ngồi đạo

tràng, bình đẳng quán pháp giới mà nói mười hai câu chân ngôn này tức là năng lực này hàng phục được bốn ma, trừ các tội cấu. Nhưng trong bốn ma này thì ma cõi Vô sắc, là khi Phật ở trời A-ca-ni-tra đã hàng phục rồi. Chỉ có Thiên ma có tướng, vì muốn khiến trong thế giới biết được năng lực tự tại nên lại ở cõi này mà hiện các việc hàng phục Thiên ma. Ba chỗ, tức là như trên đã nói thượng phần thân Phật sinh ra tất cả Như Lai. Trung phần từ tim đến rún sinh tử tất cả Bồ-tát. Hạ phần từ rún đến chân sinh ra tất cả tám bộ thiên thần, đều từ ba nghiệp bình đẳng của Như Lai, rộng khắp thị hiện, bày vị Đại Mạn-đồ-la Thai Tạng trang nghiêm, tức Ấn là chân ngôn của Bốn Tôn. Phải biết Phật từ đức nội chứng khi hiện việc như thế tức là bảy giờ, hàng phục khắp bốn ma không sót.

Nay, khi A-xà-lê muốn tạo Mạn-đồ-la cũng phải tưởng thân mình đồng nhất với Tỳ-lô-giá-na mới được năng lực tự tại, cũng đồng Phật ấy hàng phục được bốn ma. Kế là Đức Thế Tôn thân ngữ ý bình đẳng, được thân lượng đồng với hư không, được thân ngữ ý như thế, được trí như thế. Tất cả pháp được tự tại, nghĩa là Phật ngồi ở đạo tràng Kim cang, vừa niệm ba đạo chân ngôn này, nghĩa là như chỗ nói ba chân ngôn thân, miệng, ý ngay khi niệm như thế sẽ được địa thân, miệng, ý bình đẳng. Thân và ngữ ý đều là thể pháp giới không có bờ mé, cũng như hư không, dùng năng lực ấy mà hàng phục bốn ma. Trước nói ba đạo, thì có giải thích rằng ba đạo chân ngôn này là năng lực thân, miệng, ý tự tại bình đẳng tức là từ Phật mà ra, do ba đạo chân ngôn thân, miệng, ý này, Như Lai được siêu nhập vào ba địa bình đẳng, tùy loại thượng, trung, hạ, rộng khắp thị hiện các thứ thân Bốn Tôn, các thứ chân ngôn, các thứ ấn pháp đều đồng với hư không, chẳng có phần hạn, khắp cùng pháp giới mà độ chúng sinh. Rốt ráo đều khiến đồng được siêu nhập vào ba địa bình đẳng như thế. Thân có vô lượng công đức, cũng như không chẳng thể biết hạn lượng. Ngữ và ý cũng thế, do quán chân ngôn này mà được công đức như thế, đồng với Như Lai. Do ba nghiệp vô tận, nếu đáng dùng thân độ người liền hiện khắp các thứ sắc thân. Nếu đáng dùng ngữ độ người liền thị hiện cùng khắp các thứ nói năng, tùy nghi dẫn bày cho được vào tri kiến Phật. Nếu đáng dùng ý độ người thì cũng giống như thế, các thứ cảm thông chẳng thể cùng tận. Chẳng phải ngay thân, miệng, ý này không có hạn lượng, đầy đủ tất cả công đức cũng như hư không. Phải biết trí tuệ cũng không có hạn lượng như thế, giống như hư không. Nếu được diệu trí vô ngại như thế. Tức là đối với tất cả pháp mà được tự tại, đồng với Thế Tôn. Nói tự tại, nghĩa là đối với tất cả sự được

tự tại. Tất cả loại chúng sinh do chưa rõ ráo thanh tịnh pháp giới, đều là nghiệp phiền não phần nhiều ràng buộc hệ thuộc sinh tử, chẳng thể được năng lực tự tại. Nay Như Lai ở trong biển lớn sinh tử kia dùng các pháp môn tuyên bày pháp yếu sâu kín của Như Lai, vì một việc nhân duyên lớn các thứ thanh tịnh mà thành tựu đều giúp cho đến Địa vị Nhất thiết trí, tức là đối với tất cả pháp được nghĩa tự tại. Vì chứng pháp như thế mà đối với pháp tự tại. Vì tự tại, nên có thể vô ngại giảng nói rõ ràng các căn cơ. Như Lai sở dĩ được công dụng tự tại như thế, là đều do quán pháp môn mười hai tự luân này. Phải biết pháp môn mười hai chữ này tức là thể tánh pháp giới.

Lúc đó, Phật mười phương thấy Kim Cang Thủ nói chân ngôn này đồng với đạo Phật xưa, ta đồng tất cả Như Lai cũng do quán mười hai tự môn này mà thành diệu thân, các Thế Tôn vị lai cũng giống như thế. Cho nên rất vui mừng, xoa đánh Bồ-tát mà bảo rằng: Tất cả chư Phật vì pháp tự tại vì một việc nhân duyên lớn, dùng thân, miệng, ý bình đẳng mà nói pháp môn này. Nay các ông cũng có thể nói như thế, tức là cũng chứng pháp môn này đồng với Như Lai. Nhưng Kim Cang Tạng tuy chưa tức ráo Nhất thiết chủng trí mà đồng với Diệu Giác Thế Tôn. Chỉ vì chư Phật mười phương dùng thần lực che chở, cũng ở trong đại hội, cùng đồng chỗ chứng của Như Lai. Nếu lìa thần lực che chở, thì cũng chưa được ráo đồng với Như Lai. Cho nên này người Thiện nam! Tỳ-lô-giá-na chứng thân, ngữ, ý bình đẳng. Tất cả Phật đều biết như thế. Biết là tên khác của giác. Do biết hạnh Phổ môn vô tận của các Như Lai. Chứng ba thứ bình đẳng của Như Lai. Nghĩa là biết thân mật tạng của Như Lai, cũng biết được Ngữ ý vi mật tạng. Nếu chứng biết pháp này tức là đồng với Như Lai. Khen ấn như thế xong lại khiến thỉnh Như Lai. Vì sao? Thâm Mật Tạng như thế chỉ có Phật và Phật mới biết rõ. Cho nên tất cả Bồ-tát chớ nên hỏi. Nay Phật mười phương đều dùng thần lực gia trì Kim Cang Thủ. Vì lợi ích tất cả chúng sinh, nay nương thần lực của Phật mà hỏi Đại Nhật Như Lai. Trong đây hỏi việc gì, ý là việc nói trước, chỗ có nghĩa sâu kín vẫn chưa đầy đủ (nên lại hỏi chỗ quan trọng). Nhất thiết trí thành, tức là Đại Nhật Như Lai, nghĩa là Bạc-già-phạm, như nói trong sáu nghĩa, trước đã giải thích xong. Tỳ-lô-giá-na là như mặt trời mới mọc ở thế gian, có công năng diệt trừ các tối tăm, thành tựu tất cả sự nghiệp của chúng sinh. Các loại do đất sinh ra đều được lợi ích thật tướng này, là mặt trời Đại tuệ tự nhiên cũng giống như thế. Nếu có chúng sinh biết rõ tự chứng, như gió mạnh thổi mây tan, mà mặt trời mặt trăng xuất hiện cũng có năng lực như thế. Cùng khắp

pháp giới mà làm lợi ích lớn, như ánh sáng mặt trời chiếu soi thế gian. Chủ, là đối với các pháp đều được tự tại nên gọi là chủ. Nay chư Phật khiến Kim Cang Thủ hỏi Như Lai Đại Nhật này về Chân Ngôn Hạnh Cú Bí Mật Sự, thù thắng nói tự giáo rộng khắp. Do pháp môn một chữ mà thấu suốt tất cả pháp. Chứng được bình đẳng thân, miệng, ý chẳng thể cùng tận của Như Lai mười phương ba đời, nên gọi là Thắng. Giáo tức là tên khác của pháp tắc. Pháp là khuôn phép, tắc là nghĩa. Vì thuở xưa ta phát tâm Bồ-đề Vô thượng Bồ-đề, giảng nói ta đối với tất cả pháp được đến Niết-bàn, hiện thế giới chư Phật thành tựu chứng biết, là nói ta thuở xưa khi hành đạo Bồ-tát cũng do các chân ngôn môn như thế mà thành trí tự nhiên.

Lại vì tất cả chúng sinh như thế mà giảng nói, đều khấn được đến Đại Niết-bàn. Nay ta nói lời này là duyên khởi thâm mật, tất cả những người có tâm còn chẳng thể hỏi, hướng chỉ là có thể tin hiểu, chỉ có tất cả Như Lai mười phương đồng đến pháp này, có thể làm chứng, chẳng hề luống dối. Các ông nay đã được Hạnh tích mà ta đã chứng, nên lại hỏi Như Lai. Lúc đó, Chấp Kim Cang đủ đức, cũng như tay cầm giữ Trí Ấn Như Lai, tức là đầy đủ tất cả các thứ công đức của chư Phật đều đồng một vị. Chỗ nói vị giải thoát của Như Lai vì trí ấn ấy đồng với Như Lai nên nói đủ đức.

Lúc đó Bồ-tát ấy, do các Như Lai cùng gia trì nên rất vui mừng liền được biết rõ lời nói của Như Lai, cũng biết được tâm Như Lai. Trước chẳng bằng mà chưa thể hỏi, nay đều tự tại hỏi Như Lai không có nghi ngờ. Nay muốn hỏi Như Lai trước khen công đức pháp giới mà nói kệ rằng: Pháp ấy vô tận, cũng không có tự tánh. Tận nghĩa là có thì có chung, có sinh có diệt. Vì có sinh diệt, tức là có pháp khởi tận, mà nay tánh bình đẳng pháp giới là lỗi như thế, không có thì chung, không có sinh diệt tức là nghĩa chẳng thể cùng tận. Vô tận là tên khác của vô tướng. Do vô tận nên tất cả pháp đều không có tự tánh, không có lay động, không có thay đổi, cũng không có chỗ ở. A-lại-da là nghĩa phòng, là nghĩa thọ nhận đầy đủ. Nay trong pháp giới bình đẳng không có tướng thọ tạng như thế cho nên không có chỗ ở. Nếu tất cả pháp đều không tự tánh tức là vô tác. Vô tác cho nên không có quả báo sinh diệt, xưa nay là tướng vắng lặng thường vắng lặng, tức đồng giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận.

Các Phật đồng vị là như pháp sâu xa vắng lặng này thì tất cả danh ngôn không nói đến được. Lại không thể lấy gì làm dụ chỉ có Phật đồng chứng mới biết có thể lấy làm dụ cho nên nói đồng với Chánh giác.

Nhưng tất cả pháp nếu chỉ rốt ráo vô sinh vô tác. Nói rốt ráo, là không có các nghiệp phân biệt khác nhau về tất cả vị của bậc Thánh, liền rơi vào đoạn diệt mà chứng thật chứng, chẳng thể lợi ích tất cả. Kế lại nói phương tiện Phật... Bị nguyện chuyển vô tướng giáo khai phát giác ngộ tướng như thế. Do có phương tiện mà đầy đủ tất cả nguyện. Phương tiện này tức là nguyện Đại bi. Do nguyện Đại bi này nên chuyển đổi. Lại đối với pháp vô lậu không có người để nói, không thể biểu thị mà khiến cho được tất cả, cũng được tự chứng. Phải biết đó là năng lực phương tiện lớn, pháp này không người trao dạy, chẳng từ người khác ngộ mà được chứng, tức là trí tự giác vô sự tự nhiên thành Phật đạo. Ở đạo tràng vắng lặng, biết pháp thật tướng như thế. Đây đều là lời kệ sau để biểu thị.

Lại nữa, nếu nói pháp giới vô tận không đầu cuối, tức là đối với đoạn diệt chẳng thể vì các chúng sinh làm các lợi ích. Vì sao? Vì đã lấy sinh tử làm phần hạn, nhưng là nhóm trần lao, là hạt giống Như Lai, nếu tất cả vô sinh vô tánh cũng không có chỗ ở, làm sao có thể khắp ứng thế gian để làm các Phật sự? Nhưng các Bồ-tát có hai việc. Chẳng rơi vào đoạn diệt, đó là đại bi và phương tiện. Do có đây nên tự khai phát. Nói khai phát, nghĩa là tâm Bồ-đề tự nhiên khai phát. Nếu lời nói này biểu thị nhờ người khác dạy ngộ mà được tuệ tự nhiên vô sự như thế thì không có việc ấy. Vì sao? Chỉ do người tu như thật tự biết, là như thật tự quán vô tận pháp giới được tuệ thật tướng như thế, không phải do người khác mà ngộ. Ý kinh nói rằng: Pháp tướng như thế nên nói tướng như thế. Đã được pháp thật tướng như thế, tức là dùng pháp phương tiện đại bi này mà vì chúng sinh chỉ bày giảng nói. Nhưng thật không do người khác ngộ, chẳng từ người khác truyền mà được. Như người mù hỏi màu sữa giống màu gì, cho đến nghe màu sữa như tuyết mà sinh tưởng lạnh, lại nghe hạc liền sinh tưởng động. Cho đến dùng các thí dụ phương tiện biểu thị, chẳng thể hiểu được, uổng phí thêm tâm vọng chấp mà thôi. Vì sao? Do nó từ mắt vô minh. Đệ nhất nghĩa cũng thế. Nếu chẳng như thật mà hiểu biết, là nếu các thứ khai đạo khác thì không hề được lý. Nếu người chẳng tự khai phát pháp nội chứng như thế mà vì người nói muốn cho họ ngộ thì cũng không có việc đó. Vì sao? Nếu có người không chân, gọi người khác bảo rằng: Ta sẽ vì các ông mà lên núi Diệu cao, phải biết người này sẽ bị người trí chê cười. Vì sao nếu tự không chân thì không thể lên một phần nhỏ nào của núi Diệu cao, huống chi là vì tất cả mà lên đỉnh ấy? Lại như có người tự mình chưa thể qua sông lớn biển khơi mà bảo người khác rằng: Ta sẽ giúp cho ông đến bờ kia. Phải

biết người ấy cũng không được lý. Người tu cũng thế, nếu tự chưa có tuệ vô sư mà muốn người khác nghe pháp được ngộ thì sẽ không có việc đó. Lúc đó Kim Cang chủ dùng kệ này khen ngợi Như Lai. Kế là nói kệ Ưu-đà-na mà hỏi Phật, Ô-đà-na nghĩa là nhiếp chung, dùng nghĩa một kệ mà nhiếp vô tận pháp giới các pháp là tướng, vô lượng pháp nghĩa cho nên nói nhiếp. Nói kệ khen Phật rồi nghĩ đến chúng sinh đời vị lai tu hạnh chân ngôn, là đối với Đại bi tạng này mà sinh Mạn-đồ-la có sự thiếu sót, cho nên không mau thành Vô thượng Bồ-đề, thứ lớp hỏi Phật phương tiện bí yếu, mà dứt tất cả nghi ngờ. Nếu chẳng thể khắp dứt các thứ lưới nghi của chúng sinh thì chẳng gọi là bậc Nhất thiết trí. Vì đối tất cả pháp mà tự lìa lưới nghi, mới dứt được lưới nghi của người khác. Nay Phật đã dứt tất cả lưới nghi, cho nên nay con thưa hỏi, xin dứt nghi cho chúng con, lìa bỏ nóng bức, là nói lìa hẳn gốc ba độc, nay vì tất cả chúng sinh mà thưa hỏi Đạo sư vì đối với tất cả pháp mà dẫn dắt, giúp đến được Phật tuệ, gọi là đại Đạo sư.

